

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 512/2024/DS-PT  
Ngày: 01-11-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngâu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Văn Diệp;  
2. Ông Trần Thanh Tòng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 391/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/DS-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2024/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024; Thông báo số 40/TB-TA ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc thay đổi ngày xét xử, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972;

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965;

Địa chỉ cư trú: tổ D, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Vào ngày 12/4/2023, ông cho ông B, bà Đ vay số tiền 700.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Khi cho vay tiền, hai bên có lập giấy mượn tiền, không thỏa

thuận lãi suất và thời hạn trả, ông B, bà Đ hứa khi nào vay được tiền ngân hàng hoặc khi bán được đất sẽ hoàn trả lại số tiền đã vay cho ông. Ông giao đủ số tiền 700.000.000 đồng cho ông B, bà Đ tại nhà ông. Sau đó, ông đã liên tục yêu cầu ông B, bà Đ trả lại số tiền đã vay nhưng đến nay ông B, bà Đ chưa trả cho ông. Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu ông B, bà Đ trả lại tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông rút lại yêu cầu trả tiền lãi, chỉ yêu cầu ông B và bà Đ trả lại cho ông số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà và ông Phạm Văn B là vợ chồng, ông B và ông L1 anh em cô cậu ruột. Cách đây khoảng 02 năm, ông L có liên hệ với bà để hỏi mối cho vay tiền đáo hạn ngân hàng. Bà có giới thiệu cho ông L về bà Lê Thị Bích T là người làm ăn cho vay đáo hạn ngân hàng, nếu ông L có tiền thì đưa bà để bà đưa cho bà T vay để bà T cho người khác vay tiền đáo hạn ngân hàng. Lúc đầu ông L có giao cho bà 300.000.000 đồng, bà ký giấy nợ với ông L; bà giao số tiền 300.000.000 đồng này cho bà T, nhưng tiền lãi thì ông L trực tiếp nhận từ bà T. Lần này các bên đã thực hiện xong việc trả tiền gốc và tiền lãi, bà và ông L đã xé bỏ giấy nợ đã ký với nhau.

Sau đó, bà T liên hệ với bà, tiếp tục hỏi vay tiền đáo hạn ngân hàng, bà có liên hệ với ông L, ông L liên hệ với ông Lê Bá L2. Lúc này, giữa ông L, ông L2 và bà T trực tiếp thoả thuận làm ăn với nhau, cụ thể ông L2 đưa trực tiếp số tiền 400.000.000 đồng cho bà T vay, có sự chứng kiến của ông L. Các bên thoả thuận 06 ngày trả tiền gốc và tiền lãi, các bên đã thực hiện xong. Sau đó, bà T hỏi vay thêm số tiền 300.000.000 đồng, ông L2 cũng đồng ý và chuyển tiền cho bà T vay. Sau đó hai bên liên tục thực hiện giao dịch vay mượn nhiều lần trả tiền gốc và tiền lãi cho nhau. Đến khi bà T chết, bà không rõ là bà T còn nợ tiền của ông L2 hay không. Về sau, tất cả các giao dịch vay tiền giữa bà T, ông L và ông L2 bà không tham gia, vợ chồng bà không liên quan đến. Nay, bà không đồng ý trả cho ông L số tiền 700.000.000 đồng.

Đối với giấy mượn tiền ngày 12/4/2023, vợ chồng bà ký tên có ghi nội dung: “*Hôm nay ngày 12 tháng 4 năm 2023, tôi có mượn số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng của ông Nguyễn Văn L*”, là do sau khi ông L lên xuống nhà bà nhiều lần mà không giải quyết được, ông L có yêu cầu vợ chồng bà ký tên vào giấy mượn tiền để làm tin, không phải để thừa kiện, chỉ để con cháu biết để trả lại cho ông L được bao nhiêu thì trả. Bà xác định chữ ký và chữ viết họ tên Phạm Văn B, Nguyễn Thị Đ phía dưới cụm từ “*Người mượn tiền*” là của vợ chồng bà.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:*

Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày và quan điểm của bà Đ. Ông xác định chữ ký và chữ viết Phạm Văn B phía dưới cụm từ “*Người mượn tiền*” là do ông ký

và viết. Tuy nhiên, ông không có nhận số tiền 700.000.000 đồng này, nên ông không có trách nhiệm trả cho ông L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/DS-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Ghi nhận ông L không yêu cầu tính lãi

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 04/9/2024, bị đơn Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L.

#### **Tại phiên tòa:**

- Bị đơn Nguyễn Thị Đ trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng của cáo bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn L.

- Nguyên đơn Nguyễn Văn L trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự; các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị Đ lập ngày 04/9/2024 và nộp cho Toà án cấp sơ thẩm còn trong thời hạn luật định; nội dung đơn kháng hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[3.1] Ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn Phạm Văn B và Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay gốc 700.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi; ông B, bà Đ không đồng ý, cho rằng ông bà không có vay số tiền này của ông L, mà số tiền này là tiền làm ăn giữa ông L, ông Lê Văn L3 và bà Lê Thị Bích T. Do bà Đ là người giới thiệu bà T cho ông L để ông L, ông L3 cho bà T vay tiền nhiều lần, không biết bà T có còn nợ tiền của ông L và ông L3 hay không. Sau khi bà T chết, ông L mới yêu cầu vợ chồng bà ký tên vào giấy mượn tiền ngày 12/4/2023 để làm tin, để con cháu của bà biết để trả cho ông L được bao nhiêu thì trả, chứ không phải để thừa kiện, ông L không thừa nhận lời trình bày này của ông B, bà Đ, ông B và bà Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

[3.2] Mặt khác, ông B và bà Đ cho rằng số tiền 700.000.000 đồng này có liên quan đến ông L3, Toà án cấp sơ thẩm đã yêu cầu cung cấp năm sinh và địa chỉ chính xác của ông L3 để Toà án triệu tập làm việc, cho đối chất giữa các bên, nhưng ông B, bà Đ không cung cấp được.

[3.3] Căn cứ vào Giấy mượn tiền đề ngày 12/4/2023 (bút lục số 21) thể hiện nội dung: “Hôm nay ngày 12 tháng 4 năm 2023 tôi có mượn một số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu) của ông Nguyễn Văn L” có chữ ký và chữ viết họ và tên Phạm Văn B, Nguyễn Thị Đ phía dưới cụm từ “người mượn tiền” đã được ông B, bà Đ thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, là chữ ký, chữ viết của ông bà, nhưng không thừa nhận có việc giao nhận số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng theo như nội dung giấy mượn tiền thể hiện, nhưng ông B, bà Đ cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[3.4] Do đó, có căn cứ xác định vào ngày 12/4/2024 ông B và bà Đ có vay của ông Nguyễn Văn L số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng, không thoả thuận lãi suất và thời hạn trả. Ông L đã yêu cầu ông B, bà Đ trả cho ông số tiền này, nhưng ông B, bà Đ không thực hiện. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông B và bà trả cho ông L số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.5] Về tiền lãi: theo đơn khởi kiện, ông L yêu cầu ông B, bà Đ trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án,

ông **L** tự nguyện rút lại phần yêu cầu về tiền lãi, cấp sơ thẩm ghi nhận là đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Nguyễn Thị Đ**, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bị đơn **Nguyễn Thị Đ** phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Nguyễn Thị Đ**;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn L** đối với ông **Phạm Văn B** và bà **Nguyễn Thị Đ** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông **Phạm Văn B** và bà **Nguyễn Thị Đ** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn L** số tiền vay gốc 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Ghi nhận ông **L** không yêu cầu tính lãi

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2.** Về án phí:

**2.1.** Ông **Nguyễn Văn L** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm; được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng, tại Biên lai thu số 0007602 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**2.2.** Ông **Phạm Văn B** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**2.3.** Bà **Nguyễn Thị Đ** phải chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 16.300.000 (mười sáu

triệu ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0008012 ngày 04/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà **Đ** còn phải nộp 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng tiền án phí dân sự.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh TN;
- TAND huyện Dương Minh Châu;
- CC THADS H Dương Minh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu tập bản án;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Ngẫu**